

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật và phá bom mìn,
vật nổ hợp phần cầu dân sinh - Dự án cầu xây dựng dân sinh và quản lý
tài sản đường địa phương (LRAMP)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2529/QĐ-TTg ngày 31/12/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình xây dựng cầu dân sinh đảm bảo an toàn giao thông vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2017-220;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: số 383/QĐ-BGTVT ngày 03/02/2016 về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho dự án LRAMP và số 2629/QĐ-BGTVT ngày 23/8/2016 về việc phê duyệt bổ sung danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho dự án LRAMP;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (Dự án LRAMP);

Căn cứ Quyết định số 1698/QĐ-BGTVT ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016 của Bộ GTVT phê duyệt đầu tư dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương;

Căn cứ văn bản số 8630/BGTVT-KHĐT ngày 01/9/2020 của Bộ GTVT về việc chấp thuận đầu tư và bổ sung danh mục cầu trên địa bàn 08 tỉnh do Ban QLDA4 quản lý vào Dự án LRAMP;

Căn cứ Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA từ nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh năm 2017 (đợt 2);

Căn cứ Văn bản số 6374/TCĐBVN-CQLXDĐB ngày 04/9/2020 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục cầu và dự án thành phần thuộc tỉnh Thanh Hóa, Hợp phần xây dựng cầu dân sinh thuộc Dự án LRAMP;

Căn cứ Quyết định số 4809/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu rà phá bom mìn, vật nổ hợp phần cầu dân sinh - Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4511/TTr-SGTVT ngày 22/10/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật và bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu rà phá bom mìn, vật nổ hợp phần cầu dân sinh - Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật rà phá bom mìn, vật nổ hợp phần cầu dân sinh - Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Rà phá bom mìn, vật nổ hợp phần cầu dân sinh, tỉnh Thanh Hóa - Dự án LRAMP.

2. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.

3. Nội dung điều chỉnh:

- Bổ sung công tác rà phá bom mìn, vật nổ các cầu thuộc dự án thành phần 5 (TH:05-DAĐT 03), gồm 01 cầu trên địa bàn huyện Bá Thước và 03 cầu trên địa bàn huyện Quan Sơn với diện tích khoảng 2,7ha, cụ thể như sau:

+ Cầu Rằm Tám (xã Điện Trung, huyện Bá Thước): bề rộng cầu 4,0m; khẩu độ cầu 1x33m; hành lang an toàn 20m; diện tích rà phá bom mìn, vật nổ khoảng 4.092m²;

+ Cầu Luốc Lầu (xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn): bề rộng cầu 3,5m; khẩu độ cầu 1x24m; hành lang an toàn 20m; diện tích rà phá bom mìn, vật nổ khoảng 2.784m²;

+ Cầu Bản Lầm (xã Trung Tiến, huyện Quan Sơn): bề rộng cầu 4,0m; khẩu độ cầu 3x33m; hành lang an toàn 20m; diện tích rà phá bom mìn, vật nổ khoảng 9.636m²;

+ Cầu Bản Cạn (xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn): bề rộng cầu 4,0m; khẩu độ cầu 3x33m; hành lang an toàn 20m; diện tích rà phá bom mìn, vật nổ khoảng 10.516m²;

(chi tiết có phụ lục 01 kèm theo)

4. Địa điểm đầu tư: huyện Bá Thước và huyện Quan Hóa.

5. Tổng mức đầu tư điều chỉnh:

Tổng mức đầu tư đề nghị sau điều chỉnh là: **953.330.000 đồng.**
(Chín trăm năm mươi ba triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng)

Đơn vị: đồng.

STT	Hạng mục công việc	TMDT đã duyệt theo QĐ số 4809/QĐ-UBND ngày 13/12/2017	TMDT điều chỉnh trình duyệt	Chênh lệch tăng (), giảm (-)
1	Chi phí RPB, vật nổ	830.00.000	824.350.000	- 5.650.000
2	Chi phí QLDA	7.550.000	10.110.000	2.570.000
3	Chi phí Tư vấn	51.460.000	63.850.000	12.390.000
4	Chi phí khác	46.870.000	48.900.000	2.030.000
5	Dự phòng	46.790.00	6.120.000	- 40.670.000
	Tổng cộng	982.660.000	953.330.000	- 29.330.000

(chi tiết có phụ lục 02 kèm theo)

6. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2017 - 2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Sở Giao thông vận tải căn cứ quyết định này triển khai các công việc tiếp theo, bảo đảm đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng.
- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu rà phá bom mìn, vật nổ hợp phần cầu dân sinh - Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC 01: QUY MÔ RÀ PHÁ BOM Mìn DỰ ÁN THÀNH PHẦN 5 HỢP PHẦN CẦU DÂN SINH, TỈNH THANH HÓA
- DỰ ÁN LRAMP THANH HÓA

Dự án: Rà phá bom mìn, vật nổ Hợp phần Cầu - Dự án LRAMP, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên cầu	Vị trí xây dựng		Dự kiến						Quy mô cầu	Ghi chú
		Huyện	Xã	Loại cầu	Bc (m)	Khẩu độ (m)	Đường đầu cầu (m)	HLAT (m)	Diện tích (m2)		
I	Dự án Thành phần 5								27.028		
1	Cầu Luốc Lầu	Quan Sơn	Mường Mìn	Cứng	3,5	24	40	20	2.784	Cầu nhỏ	Đang lập dự án đầu tư
2	Cầu Bản Lầm		Trung Tiến	Cứng	4	99	120	20	9.636	Cầu Trung	
3	Cầu Bản Cạn		Trung Xuân	Cứng	4	99	140	20	10.516	Cầu Trung	
4	Cầu Rằm Tám	Bá Thước	Điền trung	Cứng	4	33	60	20	4.092	Cầu Trung	
Tổng cộng									27.028		

PHỤ LỤC 02: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Dự án: Rà phá bom mìn, vật nổ Hợp phần Cầu - Dự án LRAMP, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	TMĐT được duyệt (theo Quyết định 4809/QĐ-UBND ngày 13/12/2017)	TMĐT điều chỉnh				Chênh lệch	Ghi chú
			Tỷ lệ %	Cách tính	Cơ sở tính	Thành tiền		
1	Chi phí xây dựng	830,00				824,35	-5,65	
1.1	Dự án thành phần 1				Theo hợp đồng số 65/2017/HĐ-RPBM ngày 18/12/2017;	90,36		
1.2	Dự án thành phần 2				PLHĐ số 01/PLHĐ ngày 21/12/2017			
1.3	Dự án thành phần 3				Theo hợp đồng số 68/2017/HĐ-RPBM ngày 29/12/2017; PLHĐ số 01/PLHĐ ngày 08/5/2018	273,11		
1.4	Dự án thành phần 4				Theo hợp đồng số 69/2017/HĐ-RPBM ngày 29/12/2017 ; PLHĐ số 01/PLHĐ ngày 11/12/2018	364,87		
1.5	Dự án thành phần 5 (bổ sung)				Dự toán	96,01		
3	Chi phí quản lý dự án	7,55	2,936%	(Gxd) x tỷ lệ/1,1	TT 195/2019/TT-BQP ngày 27/12/2019; TT 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019	10,11	2,57	
3.1	Chi phí quản dự án (DATP 1,2,3,4)	7,55				7,55		
3.2	Chi phí quản lý dự án (bổ sung DATP5)					2,56		
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	51,46				63,85	12,39	
4.1	Chi phí lập Báo cáo KTKT (bổ sung DATP5)		6,700%	Gxd x tỷ lệ	TT 195/2019/TT-BQP ngày 27/12/2019; TT 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019	6,43		

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	TMĐT được duyệt (theo Quyết định 4809/QĐ-UBND ngày 13/12/2017)	TMĐT điều chỉnh				Chênh lệch	Ghi chú
			Tỷ lệ %	Cách tính	Cơ sở tính	Thành tiền		
4.2	Chi phí khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công - dự toán	24,90	3,000%	Gxd x tỷ lệ	TT 195/2019/TT-BQP ngày 27/12/2019	27,78		
	<i>Chi phí khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công - dự toán (DATP 1,2,3,4)</i>	24,90				24,90		
	<i>Chi phí khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công - dự toán (bổ sung DATP5)</i>					2,88		
4.3	Chi phí giám sát thi công xây dựng	26,56	3,203%	Gxd x tỷ lệ	TT 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019	29,64		
	<i>Chi phí giám sát thi công xây dựng (DATP 1,2,3,4)</i>	26,56				26,56		
	<i>Chi phí giám sát thi công xây dựng (bổ sung DATP5)</i>					3,08		
5	Chi phí khác	46,87				48,90	2,03	
5.1	Chi phí kiểm tra, giám định chất lượng rà phá BMVN	8,30	1,000%	Gxd x tỷ lệ	TT 195/2019/TT-BQP ngày 27/12/2019	9,26		
	<i>Chi phí kiểm tra, giám định chất lượng rà phá BMVN (DATP 1,2,3,4)</i>	8,30				8,30		
	<i>Chi phí kiểm tra, giám định chất lượng rà phá BMVN (bổ sung DATP5)</i>					0,96		
5.2	Chi phí thẩm định phương án kỹ thuật thi công - dự toán	4,15	0,500%	Gxd x tỷ lệ	TT 195/2019/TT-BQP ngày 27/12/2019	4,63		
	<i>Chi phí thẩm định phương án kỹ thuật thi công - dự toán (DATP 1,2,3,4)</i>	4,15				4,15		
	<i>Chi phí thẩm định phương án kỹ thuật thi công - dự toán (bổ sung DATP5)</i>					0,48		

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	TMĐT được duyệt (theo Quyết định 4809/QĐ-UBND ngày 13/12/2017)	TMĐT điều chỉnh				Chênh lệch	Ghi chú
			Tỷ lệ %	Cách tính	Cơ sở tính	Thành tiền		
5.3	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	0,19	0,019%	TMĐT x tỷ lệ	TT209/TT-BTC ngày 10/11/2016	0,67		
	<i>Lệ phí thẩm định dự án đầu tư (DATP 1,2,3,4)</i>	0,19				0,19		
	<i>Chi phí thẩm định (bổ sung DATP5)</i>		0,500%	<i>Gxd x tỷ lệ</i>	<i>TT 195/2019/TT-BQP ngày 27/12/2019</i>	0,48		
5.4	Thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình	9,33	0,570%	TMĐT x tỷ lệ	TT10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020	5,60		
5.5	Chi phí lán trại	8,30	1,000%	Gxd x tỷ lệ	TT 195/2019/TT-BQP ngày 27/12/2019	9,26		
	<i>Chi phí lán trại (DATP 1,2,3,4)</i>	8,30				8,30		
	<i>Chi phí lán trại (bổ sung DATP5)</i>					0,96		
5.6	Chi phí hủy vật nổ tìm được	16,60	3,000%	Gxd x tỷ lệ	TT 195/2019/TT-BQP ngày 27/12/2019	19,48		
	<i>Chi phí hủy vật nổ tìm được (DATP 1,2,3,4)</i>	16,60				16,60		
	<i>Chi phí hủy vật nổ tìm được (bổ sung DATP5)</i>					2,88		
6	Chi phí dự phòng	46,79				6,12	-40,67	
6.1	Dự phòng	46,79	5,0%			6,12		
	Tổng cộng	982,66				953,33	-29,33	